

Số: 334^A /TB-ĐHCN
V/v: Thông báo tuyển sinh
đào tạo thạc sĩ đợt 2 năm 2022

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2022

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2022

1. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ CHUẨN

1.1. Chuyên ngành tuyển sinh

- 1.1.1. Khoa Công nghệ Thông tin**, các chuyên ngành: Kỹ thuật phần mềm, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, An toàn thông tin, Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính.
- 1.1.2. Khoa Điện tử - Viễn thông**, các chuyên ngành: Kỹ thuật điện tử, Kỹ thuật viễn thông.
- 1.1.3. Khoa Cơ học kỹ thuật và Tự động hóa**, các chuyên ngành: Cơ kỹ thuật, Kỹ thuật cơ điện tử
- 1.1.4. Khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ nano**, chuyên ngành: Vật liệu và linh kiện nano.
- 1.1.5. Bộ môn Công nghệ Xây dựng – Giao thông**, ngành: Kỹ thuật xây dựng.

Ghi chú: Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kỹ thuật xây dựng có 02 chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng và Quản lý đô thị công trình, dựa trên số lượng thí sinh đăng ký của mỗi chuyên ngành Nhà trường sẽ tổ chức đào tạo theo phương án khả thi.

1.2. Điều kiện về văn bằng

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp từ hạng tốt nghiệp loại Khá trở lên hoặc có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu.
- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ của CTĐT (lưu ý các khóa đào tạo thạc sĩ tuyển sinh từ năm 2022 có chuẩn đầu ra đối với trình độ ngoại ngữ đạt từ Bậc 4 trở lên hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).
- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.
- Đối với chương trình đào tạo chuẩn quốc tế, văn bằng đại học phải là văn bằng chương trình đào tạo chính quy.

1.3. Điều kiện về năng lực ngoại ngữ

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành.
- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, ngành sư phạm ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các đơn vị đào tạo trong ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 2 năm có chuẩn đầu ra về ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ để dự tuyển CTĐT thạc sĩ và thí sinh đã có chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng chuẩn đầu ra trước khi tốt nghiệp CTĐT trình độ đại học;
- Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và được ĐHQGHN công nhận (phụ lục 1 và phụ lục 2), còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

Ghi chú: Thí sinh có thể được nợ minh chứng về năng lực ngoại ngữ và được bổ sung trước thời điểm Nhà trường ra quyết định trúng tuyển. Thời gian dự kiến tháng 11/2022.

1.4. Các điều kiện khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự.
- Có đủ sức khỏe để học tập.
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

2. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

2.1. XÉT TUYỂN THĂNG

2.1.1. Điều kiện xét tuyển thăng

- Về bằng tốt nghiệp trình độ đại học: đáp ứng một trong các yêu cầu sau:
 - + Tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hạng Khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) thuộc các CTĐT sau đây của ĐHQGHN: tài năng, tiên tiến, chuẩn quốc tế, chất lượng cao (được nhà nước đầu tư), các CTĐT đã được kiểm định bởi các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín (AUN-QA, ABET...) hoặc các tổ chức kiểm định của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận (đối với khóa tuyển sinh còn trong thời hạn) (danh sách chi tiết tại Phụ lục 3).
 - + Tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hạng Giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến thời điểm nộp hồ sơ) các CTĐT chuẩn, chất lượng cao theo Thông tư 23/2014/TT-BGDĐT của ĐHQGHN.
 - + Tốt nghiệp một số ngành đại học chính quy ngành phù hợp hạng Giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến ngày nộp hồ sơ).
- Có năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu tại mục 1.3.

- Danh sách các ngành đào tạo bậc Đại học được xét tuyển thẳng bậc thạc sĩ đợt 2 năm 2022 tại Trường Đại học Công nghệ có chi tiết tại Phụ lục 4.

2.1.2. Điểm thưởng thành tích nghiên cứu khoa học

- Đối với công trình nghiên cứu khoa học sinh viên:
 - + Đạt giải thưởng cấp ĐHQGHN hoặc cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo: giải nhất: 0.2 điểm, giải nhì 0.15 điểm, giải ba 0.1 điểm, giải khuyến khích 0.07 điểm.
 - + Đạt giải thưởng cấp trường hoặc cấp khoa trực thuộc: giải nhất 0.1 điểm, giải nhì 0.07 điểm, giải ba 0.05 điểm.
- Đối với bài báo khoa học đăng ở tạp chí ISI: 0.3 điểm; bài báo đăng trên tạp chí Scopus/quốc tế khác: 0.2 điểm; bài báo đăng trên kỷ yếu Hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc tế/quốc gia: 0.15 điểm.
- Sinh viên có nhiều thành tích thì được tích lũy điểm thưởng nhưng không quá 0.5 điểm.

Ghi chú: Điểm thưởng về thành tích nghiên cứu khoa học có thể được cộng thêm vào điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa của thí sinh để xét tuyển thẳng.

Thí sinh có bằng tốt nghiệp loại Khá nếu có thành tích nghiên cứu khoa học có thể nộp hồ sơ xét tuyển thẳng nếu điểm xét tuyển thẳng = điểm trung bình chung tích lũy bậc đại học + điểm thành tích nghiên cứu khoa học ≥ 3.2 .

2.1.3. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng

- 01 Bản sao công chứng văn bằng tốt nghiệp đại học.
- 01 Bản sao công chứng bằng điểm đại học.
- 01 Bản sao công chứng chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo bậc đại học.
- 01 Danh mục các công trình nghiên cứu khoa học (giải thưởng, bài báo...nếu có).
- 01 phiếu đăng ký dự thi tuyển sinh bậc thạc sĩ đợt 2 năm 2022 của Trường Đại học Công nghệ.
- 01 Sơ yếu lý lịch.

2.14. Thời gian thu nhận hồ sơ

- Thời gian đăng ký trực tuyến trên phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN: **từ 8h00 ngày 15/07/2022 đến 17h00 ngày 30/08/2022.**
- Thời gian nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng tại Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN: **từ 8h00 ngày 15/07/2022 đến 17h00 ngày 30/08/2022.**

Ghi chú: Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng ngoài việc đăng ký trực tuyến trên phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN còn phải nộp đầy đủ hồ sơ bản cứng tại Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghệ.

2.1.5. Phương thức xét tuyển thẳng:

- Hội đồng chuyên môn đánh giá hồ sơ đăng ký dự thi dựa trên:
 - + Chương trình đào tạo bậc đại học phù hợp với điều kiện xét tuyển.
 - + Kết quả học tập trình độ đại học.
 - + Năng lực ngoại ngữ (theo yêu cầu của chương trình đào tạo mà thí sinh dự tuyển).

+ Năng lực nghiên cứu khoa học (nếu có).

2.1.6. Thời gian xét tuyển thẳng: từ ngày 05/09/2022 ÷ 08/09/2022

2.1.7. Thời gian thông báo kết quả: ngày 09/09/2022

2.2. ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ VÀ PHÒNG VẤN

2.2.1. Điều kiện dự thi

Thí sinh đáp ứng điều kiện về văn bằng ở mục 1.2 nhưng không thuộc đối tượng xét tuyển thẳng ở mục 2.1 thì sẽ tham gia phỏng vấn và xét hồ sơ.

Và đáp ứng điều kiện về năng lực ngoại ngữ tại mục 1.3.

2.2.2. Tiêu chí đánh giá thí sinh

Tiêu chí đánh giá thí sinh bao gồm 3 nội dung:

- Đánh giá hồ sơ thí sinh
- Đánh giá động cơ và mục đích học tập của thí sinh
- Đánh giá kiến thức, nhận thức chuyên môn và năng lực, hiểu biết về chuyên ngành đào tạo

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

3.1. Đối tượng ưu tiên

- Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 (theo bảng phân chia khu vực tuyển sinh THPT quốc gia hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.
- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1.
- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.
- Con liệt sĩ.
- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động.
- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

3.2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng 01 điểm (thang điểm 10) cho môn thi cơ bản hoặc 15 điểm (thang điểm 150) cho môn thi đánh giá năng lực.

4. CHỈ TIÊU TUYỂN SINH: 130 học viên

STT	Ngành/Chuyên ngành	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu dành cho xét tuyển thẳng
1.	Khoa học máy tính	25	10
2.	Kỹ thuật phần mềm	15	10

STT	Ngành/Chuyên ngành	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu dành cho xét tuyển thẳng
3.	Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu	10	2
4.	Hệ thống thông tin	15	5
5.	An toàn thông tin	10	2
6.	Kỹ thuật điện tử	10	5
7.	Kỹ thuật viễn thông	10	5
8.	Vật liệu và linh kiện nano	05	2
9.	Cơ kỹ thuật	05	2
10.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	10	2
11.	Kỹ thuật xây dựng	15	5
	Tổng	130	50

5. ĐĂNG KÝ DỰ THI, THỜI GIAN THI VÀ LỆ PHÍ

5.1. Nhiệm vụ của thí sinh

- Truy cập vào phần mềm tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ: <http://tssdh.vnu.edu.vn> và thực hiện đăng ký dự thi trực tuyến theo hướng dẫn. Thí sinh đã đăng ký tài khoản trong những kỳ tuyển sinh trước và chưa nhập học tại bất kỳ đơn vị nào trong ĐHQGHN có thể sử dụng tài khoản đã có để đăng ký dự tuyển trong năm 2022. Thí sinh phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo.
- Thời gian đăng kí: *từ 8h00 ngày 15/07/2022 đến 17h00 ngày 30/08/2022.*

6.2. Thời gian phỏng vấn: ngày 17/09/2022.

6.3. Lệ phí

- Lệ phí: 420.000đ/thí sinh (áp dụng cho cả thí sinh xét tuyển thẳng).
- Phương thức nộp tiền: thí sinh có thể chuyển lệ phí tuyển sinh theo quy định vào tài khoản của Trường Đại học Công nghệ hoặc nộp trực tiếp bằng tiền mặt tại Trường Đại học Công nghệ.
- Thông tin chuyển tiền:
 - + Tên Tài khoản: Trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN
 - + Số TK: 21510000214781 tại Ngân hàng BIDV Cầu Giấy, Hà Nội
 - + Nội dung chuyển khoản: Mã ĐKDT_Họ tên thí sinh_TS SDH đợt 2_2022.
- Địa chỉ nộp tiền mặt: P.101A – Phòng Kế hoạch Tài chính – Trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN – Nhà E3, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

7. THÔNG TIN LỘ TRÌNH HỌC PHÍ TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Theo Quyết định số 346/QĐ-KHTC ngày 16/05/2022 về việc Quy định, định mức học phí đào tạo sau đại học năm học 2022-2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ, học phí đào tạo bậc thạc sĩ năm học 2022-2023 của Trường Đại học Công nghệ là 30.000.000 đ/năm học (10 tháng).

Học phí, lộ trình tăng học phí tuân theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 "Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo" và Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 "Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập" và các văn bản liên quan.

8. THỜI GIAN CÔNG BỐ KẾT QUẢ THI, THỜI GIAN ĐÀO TẠO

- **Thời gian công bố kết quả thi:** trước 17h00 ngày 30/09/2022.
- **Thời gian đào tạo:** 2 năm.
- **Hình thức đào tạo:** chính qui

9. THÔNG TIN LIÊN HỆ, TƯ VẤN TUYỂN SINH

Mọi chi tiết xin liên hệ tại:

Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Phòng 105-E3, 144 Đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3754 7810 hoặc số hotline 0977547263

Email: hanhth@vnu.edu.vn

Website: <http://uet.vnu.edu.vn> mục Tuyển sinh/Tuyển sinh Sau đại học.

<https://www.facebook.com/tuyensinh.saudaihoc.dhcn>

Trân trọng thông báo./.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HĐTS SDH NĂM 2022**

Nơi nhận:

- Các cơ sở đào tạo liên quan;
- Các đơn vị trong trường;
- Website của Trường ĐHCN, thí sinh dự thi;
- Lưu: VT, ĐT, TH.5.

(đã ký)

Chữ Đức Trình

Phụ lục 1

Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam sử dụng trong tuyển sinh trình độ thạc sĩ tại ĐHQGHN

(Kèm theo thông báo số 334^A/TB-ĐHCN ngày 15 tháng 07 năm 2022 của Trường Đại học Công nghệ)

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC (4 kỹ năng)	Cambridge Exam	Aptis (Hội đồng Anh)	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency
Bậc 3	4.5	460 ITP 42 iBT	Reading 275 Listening 275 Speaking 120 Writing 120	A2 Key 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary 140 B2 Business Vantage: 140	B1 (General)	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	543 ITP 72 iBT	Reading 385 Listening 400 Speaking 160 Writing 150	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	B2 (General)	VSTEP.3-5 (6.0)

Một số ngoại ngữ khác

Khung năng lực ngoại ngữ VN	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật	tiếng Hàn
Bậc 3	ТРКИ-1	DELFB1 TCFB1	Goethe-Zertifikat B1, TELC Deutsch B1, DSD I, ÖSD -Zertifikat B1, TestDaF-TDN3, ECL B1	HSK Bậc 3	JLPT N3 NAT-TEST 3Q J-TEST (400)	TOPIK II (Bậc 3)
Bậc 4	ТРКИ-2	DELFB2	Goethe-Zertifikat B2,	HSK	JLPT N2 (90)	TOPIK II

Khung năng lực ngoại ngữ VN	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật	tiếng Hàn
		TCF B2	TELC Deutsch B2, DSD II (Viết/nói: 8-11 điểm; Nghe/đọc: 8-13 điểm), ÖSD -Zertifikat B2, TestDaF-TDN4 ECL B2	Bậc 4	NAT-TEST 2Q (100) J-TEST (600)	(Bậc 4)

Ghi chú: Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, đơn vị đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

Phụ lục 2

**Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ Ngoại ngữ được công nhận
trong tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN**

*(Kèm theo thông báo số 334^A/TB-ĐHCN ngày 15 tháng 07 năm 2022
của Trường Đại học Công nghệ)*

1. Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3, bậc 4

STT	Cơ sở đào tạo	Chứng chỉ ngoại ngữ được công nhận				
		Tiếng Anh (*)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Đức
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	√	√	√	√	√
2.	Trường ĐH Hà Nội	√	√	√	√	√
3.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế	√	√	√	√	
4.	Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh	√	√	√	√	
5.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng	√	√			
6.	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	√				
7.	ĐH Thái Nguyên	√				
8.	Trường ĐH Cần Thơ	√				
9.	Trường ĐH Vinh	√				
10.	Học viện An ninh nhân dân	√				

() Đối với chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh: các cơ sở đào tạo có số thứ tự từ 1 đến 8 được cấp từ ngày 15/5/2019, các cơ sở đào tạo còn lại được cấp từ ngày 08/5/2020.*

2. Các chứng chỉ tiếng Anh

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận				
		IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	Aptis
1.	Educational Testing Service (ETS)		√	√		

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận				
		IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	Aptis
2.	British Council (BC)	√				√
3.	International Development Program (IDP)	√				
4.	Cambridge ESOL	√			√	

3. Một số thứ tiếng khác

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Một số ngoại ngữ khác					
		<i>tiếng Nga</i>	<i>tiếng Pháp</i>	<i>tiếng Đức</i>	<i>tiếng Trung</i>	<i>tiếng Nhật</i>	<i>tiếng Hàn</i>
1.	Viện tiếng Nga Quốc gia A.X.Puskin; Phân viện Puskin	√					
2.	Bộ Giáo dục Pháp		√				
3.	Viện Goethe, TELC, ZfA, ÖSD			√			
4.	Tổ chức Hán Ban, Trung Quốc				√		
5.	Japan Foundation (JLPT) Senmon Kyouiku Publishing Co.,Ltd (NAT-TEST); Nihongo Kentei Kyokai (J – Test)					√	
6.	Viện Giáo dục Quốc tế quốc gia Hàn Quốc (NIIED)						√

Phụ lục 3

Danh sách các chương trình đào tạo chuẩn quốc tế, chất lượng cao (được nhà nước hỗ trợ), đã được kiểm định (còn thời hạn) của Trường ĐHCN
(Kèm theo thông báo số 334^A/TB-ĐHCN ngày 15 tháng 07 năm 2022 của Trường Đại học Công nghệ)

1. Các CTĐT chất lượng cao (được nhà nước hỗ trợ)

STT	Chương trình đào tạo	Loại hình đào tạo
1.	Công nghệ thông tin	Chất lượng cao (được nhà nước hỗ trợ)

Danh sách gồm 03 CTĐT.

2. Các CTĐT đã được kiểm định (còn thời hạn)

STT	CTĐT	Tổ chức kiểm định	Năm kiểm định
1.	Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử	AUN-QA	2018

Danh sách gồm 01 CTĐT./.

Phụ lục 4
Danh sách các ngành đào tạo bậc Đại học được xét tuyển thẳng
bậc thạc sĩ đợt 2 năm 2022

*(Kèm theo thông báo số 334^A/TB-ĐHCN ngày 15 tháng 07 năm 2022
của Trường Đại học Công nghệ)*

STT	Chuyên ngành bậc Thạc sĩ	Ngành đào tạo bậc Đại học được xét tuyển thẳng
1.	An toàn thông tin	Công nghệ Thông tin Công nghệ Thông tin định hướng thị trường Nhật Bản Khoa học máy tính Hệ thống thông tin Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
2.	Kỹ thuật phần mềm	Công nghệ Thông tin Công nghệ Thông tin định hướng thị trường Nhật Bản Khoa học máy tính Hệ thống thông tin Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
3.	Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin Công nghệ Thông tin Công nghệ Thông tin định hướng thị trường Nhật Bản Khoa học máy tính Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
4.	Khoa học máy tính	Khoa học máy tính Công nghệ Thông tin Công nghệ Thông tin định hướng thị trường Nhật Bản Hệ thống thông tin Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
5.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu Công nghệ Thông tin Công nghệ Thông tin định hướng thị trường Nhật Bản Khoa học máy tính Hệ thống thông tin
6.	Kỹ thuật điện tử	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử Công nghệ hàng không vũ trụ Kỹ thuật máy tính Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa Kỹ thuật robot Vật lý kỹ thuật
7.	Kỹ thuật viễn thông	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông Công nghệ hàng không vũ trụ Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu Kỹ thuật máy tính Kỹ thuật robot Vật lý kỹ thuật

STT	Chuyên ngành bậc Thạc sĩ	Ngành đào tạo bậc Đại học được xét tuyển thẳng
8.	Cơ kỹ thuật	Cơ kỹ thuật Công nghệ hàng không vũ trụ
9.	Kỹ thuật cơ điện tử	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông
10.	Vật liệu và linh kiện nano	Vật lý kỹ thuật Kỹ thuật Năng lượng Vật lý Su phạm Vật lý Khoa học vật liệu Công nghệ vật liệu Hóa học Su phạm Hóa học Công nghệ kỹ thuật hóa học Vật liệu thông minh

Phụ lục 5 – Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp và các học phần bổ sung kiến thức dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ

(Kèm theo thông báo số 334^A/TB-ĐHCN ngày 15 tháng 07 năm 2022 của Trường Đại học Công nghệ)

TT	Chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ	Ngành đúng	Danh sách ngành phù hợp	Ngành gần		
				Tên ngành gần	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
1.	An toàn thông tin	Công nghệ thông tin	Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm	Hệ thống thông tin quản lý, Công nghệ kỹ thuật máy tính; Toán tin ứng dụng; Tin học ứng dụng; Sư phạm tin học.	- Toán rời rạc - Lập trình nâng cao - Cơ sở dữ liệu - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4 3 3 3
2.	Kỹ thuật phần mềm	Kỹ thuật phần mềm	Công nghệ thông tin; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Hệ thống thông tin quản lý, Công nghệ kỹ thuật máy tính; Toán tin ứng dụng; Tin học ứng dụng; Sư phạm tin học; Sư phạm kỹ thuật công nghiệp (chuyên ngành Cơ sở Toán học cho Tin học); Toán học; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử.	- Toán rời rạc - Lập trình nâng cao - Cơ sở dữ liệu - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4 3 3 3
3.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Công nghệ thông tin; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật phần mềm	Hệ thống thông tin quản lý, Công nghệ kỹ thuật máy tính; Toán tin ứng dụng; Tin học ứng dụng; Sư phạm tin học; Sư phạm kỹ thuật công nghiệp (chuyên ngành Cơ sở toán cho tin học); Toán học; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử.	- Toán rời rạc - Lập trình nâng cao - Cơ sở dữ liệu - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4 3 3 3

TT	Chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ	Ngành đúng	Danh sách ngành phù hợp	Ngành gần		
				Tên ngành gần	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
4.	Hệ thống Thông tin	Hệ thống Thông tin	Công nghệ thông tin; Khoa học máy tính; Kỹ thuật phần mềm; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Công nghệ kỹ thuật máy tính; Toán tin ứng dụng; Tin học ứng dụng; Sư phạm Tin học; Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp (chuyên ngành Cơ sở toán cho tin học); Toán học; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử.	- Toán rời rạc - Lập trình nâng cao - Cơ sở dữ liệu - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4 3 3 3
5.	Khoa học Máy tính	Khoa học Máy tính	Công nghệ thông tin; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Hệ thống thông tin quản lý, Công nghệ kỹ thuật máy tính; Toán tin ứng dụng; Tin học ứng dụng; Sư phạm tin học; Sư phạm kỹ thuật công nghiệp (chuyên ngành Cơ sở Toán học cho Tin học); Hệ thống thông tin quản lý; Toán học; Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử.	- Toán rời rạc - Lập trình nâng cao - Cơ sở dữ liệu - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4 3 3 3
6.	Kỹ thuật điện tử	Công nghệ kỹ thuật điện tử-viễn thông	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật điện tử, truyền thông; Kỹ thuật điện, điện tử.	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật máy tính; Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá; Vật lý kỹ thuật; Vật lý học (chuyên ngành Vật lý vô tuyến và điện tử); Sư phạm kỹ thuật công nghiệp (chuyên ngành Kỹ thuật điện tử), Truyền thông và mạng máy tính; Kỹ thuật hàng không.	- Điện tử tương tự - Điện tử số - Xử lý tín hiệu số	3 3 4
7.	Kỹ thuật viễn thông	Công nghệ kỹ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật điện tử,	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Kỹ	- Điện tử tương tự - Điện tử số	3 3

TT	Chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ	Ngành đúng	Danh sách ngành phù hợp	Ngành gần		Số tín chỉ
				Tên ngành gần	Học phần bổ sung	
		thuật điện tử-viễn thông	truyền thông; Kỹ thuật điện, điện tử.	thuật máy tính; Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá; Vật lý học (chuyên ngành Vật lý vô tuyến và điện tử); Truyền thông và Mạng máy tính; Kỹ thuật Hàng không.	- Xử lý tín hiệu số	4
8.	Cơ kỹ thuật	Cơ kỹ thuật	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Kỹ thuật cơ khí; Kỹ thuật cơ-điện tử.	Công nghệ chế tạo máy; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình thủy; Kỹ thuật công trình biển; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật hàng không; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Vật lý kỹ thuật; Toán học; Toán cơ; Vật lý học; Khoa học vật liệu; Công nghệ hạt nhân; Toán tin ứng dụng; Kỹ thuật tài nguyên nước; Khí tượng học; Hải dương học; Thủy văn.	- Cơ học môi trường liên tục - Cơ học vật rắn biến dạng - Cơ học chất lỏng - Nhập môn cơ điện tử	2 2 2 2
9.	Kỹ thuật Cơ điện tử	Công nghệ Kỹ thuật cơ điện tử	Kỹ thuật cơ điện tử; Cơ kỹ thuật; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Truyền thông và mạng máy tính; Kỹ thuật hàng không; Vật lý kỹ thuật; Vật lý học.	- Công nghệ chế tạo máy - Vi xử lý và vi điều khiển - Cơ sở kỹ thuật điện	3 3 2
10.	Vật liệu và Linh kiện Nano		Vật lý kỹ thuật; Vật lý học; Khoa học vật liệu; Kỹ thuật vật liệu; Kỹ thuật hạt nhân; Sơ phạm Vật lý; Hóa học; SP Hóa học; Kỹ thuật hoá học; Kỹ thuật vật liệu kim loại; Công nghệ kỹ thuật hoá học; Công nghệ vật liệu	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; Cơ kỹ thuật; Kỹ thuật y sinh.	- Khoa học vật liệu đại cương - Vật lý lượng tử - Kỹ thuật hóa học	3 3 3
11.	Kỹ thuật xây dựng	Kỹ thuật	Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Kỹ	Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật tài nguyên nước, Địa kỹ thuật	Quản lý dự án rủi ro Phong thủy trong	2 2

TT	Chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ	Ngành đúng	Danh sách ngành phù hợp	Ngành gần		
				Tên ngành gần	Học phần bổ sung	Số tín chỉ
	Quản lí đô thị và công trình	xây dựng	thuật xây dựng công trình thủy, Kỹ thuật xây dựng công trình biển, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Quản lí đô thị và công trình, Quy hoạch vùng và đô thị, Đô thị học, Cơ kĩ thuật, Kiến trúc, Kiến trúc đô thị	xây dựng, Kỹ thuật cấp thoát nước, Kinh tế xây dựng, Quản lí xây dựng	xây dựng Những vấn đề hiện đại trong lĩnh vực công nghệ và kĩ thuật xây dựng	2

Đối với các ngành đào tạo không có trong danh mục trên, Nhà trường sẽ xem xét ra quyết định dựa vào thông tin trong bằng và bảng điểm đại học của thí sinh.